

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: **105/2019/QĐST-HNGĐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Lương, ngày 30 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh C** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh K

- Bị đơn: Chị **Danh Ngọc Q** – sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh K

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh C và chị Danh Ngọc Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên thống nhất giao 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc N

– sinh ngày 08/9/2017 cho chị Danh Ngọc Q nuôi dưỡng và anh Nguyễn Thanh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng vào cuối tháng bắt đầu từ tháng 6/2019.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Nguyễn Thanh C

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của chị Danh Ngọc Q

Anh Nguyễn Thanh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cấm cản.

* Đối với việc nuôi con chung nếu bên có nghĩa vụ giao con không thực hiện việc giao con thì chị Danh Ngọc Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện K cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

* Đối với việc cấp dưỡng kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì ngoài số tiền cấp dưỡng hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Do các bên thỏa thuận được về tài sản trước khi Tòa án hòa giải nên yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận vào quyết định của Tòa án cụ thể:

Ghi nhận việc anh Nguyễn Thanh C đồng ý giao số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); mỗi tháng 1.000.000đ vào cuối tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019 cho chị Danh Ngọc Q và anh Nguyễn Thanh C được sử dụng căn nhà ở khu dân cư mà anh chị sửa chữa, xây dựng chung tại tổ 9, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh K, có diện tích ngang 7m, dài 14m (nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Về nợ chung và cho vay nợ: Hai bên thống nhất không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

* Về án phí: Về án phí HNGĐ-ST là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 150.000đ tổng cộng 300.000đ anh Nguyễn Thanh C tự nguyện nộp hết, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004394 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng